

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/HNGĐ-ST
Ngày 09-9-2021
V/v không công nhận quan hệ
vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Vĩnh;

Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2021/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2021 về việc: “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 676/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 719/QĐST- HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, trú tại: Số nhà 32, ngõ 177 đường H, khu V, thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Vũ Văn Q, trú tại: : Số nhà 32, ngõ 177 đường H, khu V, thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 6 năm 2021 và bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Vũ Văn Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại khu Văn Tràng 1, thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống nhiều năm xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp nhau, ông Q chơi bời cờ bạc, sống không tôn trọng bà, nhiều lần đánh chửi, xúc phạm bà. Ông Q có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà N và các con đã khuyên can nhưng ông Q không thay đổi cách sống. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện bà và ông Q ở chung nhà nhưng sống ly thân nhau, không quan tâm, không còn tình cảm với nhau. Nay bà N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn ông Vũ Văn Q. Về con chung: Bà N và ông Q có 02 con chung là Vũ Văn T, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1991 và Vũ Thị H, sinh ngày 03 tháng 4 năm 1993, hiện các con của bà và ông Q đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Vũ Văn Q đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tòa án để giải quyết việc bà Nguyễn Thị N xin ly hôn ông nên không có lời khai của ông Q.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Vũ Văn Q không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án căn cứ vào hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Vũ Văn Q; về con chung: Bà N và ông Q có 02 con chung là Vũ Văn T, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1991 và Vũ Thị H, sinh ngày 03 tháng 4 năm 1993, đều đã trưởng thành; về tài sản chung: Bà N không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tổ tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn ông Vũ Văn Q. Ông Q có nơi cư trú tại khu Văn Tràng 1, thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Về nội dung:

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Vũ Văn Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị N và ông Vũ Văn Q.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và Vũ Văn Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 tại khu Văn Tràng 1, thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông, bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có sự tin tưởng nhau về tình cảm nên nhiều lần đánh chửi nhau, sống không tôn trọng nhau. Tuy bà N và ông Q ở chung nhà nhưng đã sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau. Căn cứ vào tài liệu xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cung cấp tại sổ đăng ký kết hôn gốc lưu giữ từ năm 1979 đến nay không thể hiện có tên ông Vũ Văn Q và bà Nguyễn Thị N. Căn cứ vào các tài liệu xác minh và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Thị N và ông Vũ Văn Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay bà N có đơn xin ly hôn ông Q, căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Vũ Văn Q.

[4] Về con chung: Bà N và ông Q có 02 con chung là Vũ Văn T, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1991 và Vũ Thị H, sinh ngày 03 tháng 4 năm 1993, đều đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Vũ Văn Q.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019283 ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Nguyễn Thị N và ông Vũ Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn

